

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2017/HS-ST

Ngày 01 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hứa Minh Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hoàng Kha**

Ông **Hà Trọng Tâm**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Huỳnh Văn Đoan** – Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà: Ông
Ngô Kiên Định – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà
Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 156/2017/HSST ngày 24
tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, tên gọi khác: **Nhóc**, (có mặt)

Sinh năm: 1994.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm 7, phường B, thành phố C, tỉnh Cà
Mau.

Chỗ ở: Khóm 1, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 02 tiền án.

+ Lần thứ nhất: Tại bản án số: 25/2012/HS-ST ngày 24/5/2012, bị Tòa án
nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài
sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/11/2012.

+ Lần thứ hai: Tại bản án số: 317/2013/HS-ST ngày 05/12/2013, bị Tòa án
nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về tội cướp tài sản.
Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/9/2016.

- Bắt quả tang: Ngày 09/5/2017;

- Quyết định tạm giữ: Ngày 10/5/2017;

- Tạm giam: Ngày 16/5/2017 cho đến nay.

Người bị hại: Anh **Trần Bá P**, sinh năm: 1989, (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21h ngày 09/5/2017, Trần Bá P dùng xe mô tô biển số 69N1 – 136.21 chở Lữ Phú L là em bà con cô cậu ruột với P đi đến nhà mẹ nuôi của P là Bùi Kim H tạm trú khóm 7, phường B, thành phố C để chơi. Khi đến nhà bà H, P đậu xe phía trước cửa nhà, cách cửa nhà khoảng 5-6m, P để quên chìa khóa ngoài xe rồi cùng L đi vào nhà ngồi nói chuyện với bà H. Đến khoảng 22h ngày 09/5/2017, Lê Văn T đi bộ từ nhà trọ thuê thàng ở khóm 7, phường 6 về hướng xã Tắc Vân. Khi đi được khoảng 100m, đến khu vực Đoàn cải lương Hương Tràm thì T phát hiện xe của P đậu không người trông coi, có gắn sẵn chìa khóa nên T nảy sinh ý định lấy xe 69N1- 136.21 để làm phương tiện đi lại. T đi đến đứng sát vào xe 69N1- 136.21 để quan sát, T thấy mọi người đang nói chuyện nên T dẫn xe đi. Do xe còn số nên không dẫn đi được, T dùng chân đạp cần số cho hết số rồi dẫn xe đi. Khi T vừa dẫn được xe thì bà H quay ra nhìn thấy la lên nên P và L chạy ra bắt giữ T. Khi bắt giữ được T thì bà H điện báo Công an Phường 6 đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang lúc 23h10' cùng ngày.

Tại kết luận định giá số: 70/KL-HĐĐG ngày 15/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng cấp thành phố; tính vào thời điểm tháng 5 năm 2017.

Một xe mô tô biển số 69N1 – 136.21, nhãn hiệu Honda, giá trị 80%.

12.000.000 đồng x 80% = 9.600.000 đồng. Tổng cộng: 9.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 148/KSĐT-KT ngày 24/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T theo cáo trạng số: 148/KSĐT-KT ngày 24/7/2017 và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự: xử phạt T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Vì muốn có phương tiện đi lại nên khi phát hiện thấy xe mô tô biển số 69N1-136.21 đang đậu trước cửa nhà bà H, còn gắn chìa khóa trong xe, không người trông coi, bị cáo đến đứng sát vào xe 69N1- 136.21 để quan sát, thấy mọi người đang nói chuyện nên bị cáo lén lút dẫn xe đi. Do xe còn số nên không dẫn đi được, bị cáo dùng chân đạp cần số cho hết số rồi dẫn xe đi. Khi bị cáo vừa dẫn được xe thì bà H quay ra nhìn thấy la lên nên P và L chạy ra bắt quả tang bị cáo và thông báo Công an phường đến lập biên bản. Lời khai nhận của bị cáo tại Tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo

tại Cơ quan điều tra là hoàn toàn phù hợp với diễn biến hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo. Qua định giá, xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 69N1-136.21 có giá trị là 9.600.000đ; bản thân bị cáo đã bị kết án 02 lần về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Vì vậy, hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh P một cách bất hợp pháp, hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật cũng như muốn trục lợi trên sức lao động của người khác mà bị cáo đã thực hiện tội phạm hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp.

Với những phân tích trên, nhận thấy việc truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau là có căn cứ pháp luật.

Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất ổn, không an tâm lao động sản xuất trong quần chúng và làm mất trật tự trị an tại địa phương.

Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản và tội cướp tài sản, lẽ ra bị cáo phải cải sửa lỗi lầm của mình, lao động chân chính để nuôi sống bản thân, gia đình của bị cáo. Chẳng những bị cáo không làm được việc đó mà sau khi chấp hành án không được bao lâu bị cáo lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Hơn nữa, trong quá trình tạm giam chờ xét xử, bị cáo đã trốn khỏi nơi giam và bị khởi tố bị can vào ngày 27/7/2017. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, trừng trị của pháp luật, đồng thời có thời gian giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; việc bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với xe mô tô biển số 69N1-136.21, anh P khai do anh mua lại của Phạm Thế M nhưng không làm giấy tờ mua bán nên ngày 15/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau đã giao trả lại xe trên cho ông Phạm Hùng T là cha ruột của M để ông T trả lại cho anh P.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Trần Bá P là chiếc xe mô tô hiệu Honda, biển số 69N1-136.21, đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Hiện anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đề cập xem xét.

Đối với hành vi trốn khỏi nơi giam của bị cáo đang bị khởi tố, điều tra, sẽ được xét xử sau, không xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T**, tên gọi khác là (**Nhóc**) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt quả tang bị cáo phạm tội là ngày 09 tháng 5 năm 2017.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm (*chưa nộp*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hứa Minh Hải